

Năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên sư phạm tiếng Anh tại Trường Đại học Vinh

Lê Thị Tuyết Hạnh¹, Hoàng Thị Hải Yến²

¹ Email: hanhfran@gmail.com

² Email: hoangthihaiyen6072@gmail.com

Trường Đại học Vinh
182 Lê Duẩn, thành phố Vinh,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

TÓM TẮT: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu quan điểm của sinh viên sư phạm tiếng Anh về năng lực nghiên cứu khoa học và quá trình phát triển năng lực này trong chương trình đào tạo hiện hành. Nghiên cứu khảo sát được tiến hành trên 142 sinh viên sư phạm tiếng Anh tại Trường Đại học Vinh. Số liệu nghiên cứu thu thập được từ bảng câu hỏi, phỏng vấn và quan sát lớp học. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, sinh viên sư phạm hiểu được tầm quan trọng của năng lực nghiên cứu khoa học nhưng không nắm rõ bản chất các thành tố cấu thành của năng lực này. Chính vì vậy, họ đánh giá khá cao năng lực nghiên cứu của mình so với thực tế thực hiện. Bên cạnh đó, bản thân người học được đánh giá là yếu tố chính gây ảnh hưởng đến sự phát triển của năng lực nghiên cứu khoa học trong sinh viên. Từ các kết quả nêu trên, bài viết đưa ra các đề xuất để cải thiện và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên đại học, đặc biệt là sinh viên sư phạm.

TỪ KHÓA: Năng lực; năng lực nghiên cứu khoa học; sinh viên sư phạm; nhận thức.

→ Nhận bài 29/12/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 30/01/2021 → Duyệt đăng 10/5/2021.

1. Đặt vấn đề

Trong môi trường giáo dục hiện đại, giáo viên (GV) không chỉ đóng vai trò là người truyền đạt kiến thức mà còn cần phải là một nhà nghiên cứu để luôn phát triển năng lực (NL) nghề nghiệp của mình, tiến tới xây dựng một môi trường giáo dục có chất lượng [1]. Chính vì vậy, việc phát triển NL nghiên cứu khoa học (NCKH) cho sinh viên (SV), đặc biệt là SV sư phạm, những nhà giáo tương lai, được xem như kết quả cuối cùng của quá trình đào tạo, góp phần hỗ trợ người học phát triển NL khác nhau để hỗ trợ phát triển nghề nghiệp và trở thành chuyên gia trong lĩnh vực của mình trong tương lai [2], [3]. Phát triển NL NCKH cũng góp phần giúp GV tự đánh giá lại quá trình dạy học của mình và tránh đơn giản hóa các vấn đề liên quan (Ilisko & Fortino, 2010). Tuy nhiên, cho dù các cơ sở giáo dục đã nhận thức được sự cần thiết này và đã có một số định hướng phát triển NL NCKH cho người học. Ví dụ như là các hội nghị NCKH được tổ chức hàng năm tại các trường đại học, giải thưởng SV NCKH hàng năm [1]. Tuy nhiên, NL NCKH vẫn còn bị xem nhẹ trong các chương trình học [4] và NL NCKH của GV, giảng viên đang đứng trên các bục giảng luôn đặt ra các vấn đề cần giải quyết. Hiện nay, đã có một số nghiên cứu được thực hiện và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao NL này cho SV sư phạm ở Việt Nam [4], [5]. Tuy nhiên, chưa có một nghiên cứu nào được thực hiện tại Trường Đại học Vinh để tìm hiểu tính hiệu quả trong việc giảng dạy và học tập liên quan đến việc nâng cao NL NCKH của cho SV sư phạm nói chung và SV ngành Sư phạm tiếng Anh, Trường Đại học Vinh nói riêng. Nghiên cứu này được

thực hiện với mục đích tìm hiểu nhận thức của SV sư phạm về NL NCKH, đồng thời đưa ra các giải pháp phù hợp với mục đích hỗ trợ phát triển NL NCKH, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp trong thời kì đổi mới hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm

NCKH được xem như những hoạt động khám phá, phát hiện tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy, sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn. Trong khi đó, Armstrong và Sperry (1994) lại nhìn nhận việc NCKH là dựa vào việc ứng dụng các phương pháp khoa học để phát hiện ra những cái mới về bản chất sự vật, về thế giới tự nhiên và xã hội và để sáng tạo phương pháp và phương tiện kĩ thuật mới cao hơn, giá trị hơn [6]. Khái niệm NL NCKH cũng thu hút nhiều sự quan tâm của các nhà khoa học.

Theo Mertler (2016), NL NCKH là khả năng tìm tòi, xem xét, điều tra hoặc thử nghiệm, dựa trên những số liệu, tài liệu, kiến thức đạt được từ thực nghiệm để phát hiện hay sáng tạo ra những tri thức khoa học mới, khám phá bản chất, các quy luật vận động của tự nhiên, xã hội và tư duy [2]. Phạm Thị Trang (2019) định nghĩa NL nghiên cứu, cụ thể là NL NCKH, là “tổ hợp kiến thức, kĩ năng, thái độ được hình thành, rèn luyện, cho phép cá nhân thực hiện thành công quá trình tổ chức, triển khai nghiên cứu thực tiễn giáo dục, trong những điều kiện cụ thể” (tr.27). Như vậy, NL NCKH sẽ được hiểu như cách định nghĩa của Phạm Thị Trang (2019) và được xem xét

dưới 3 góc độ: kiến thức, kĩ năng và thái độ.

2.2. Khách thể tham gia nghiên cứu

Nghiên cứu khảo sát được thực hiện với 142 SV ngành Sư phạm tiếng Anh tại Trường Đại học Vinh, trong đó có 109 SV học năm thứ 4 và 33 SV vừa mới tốt nghiệp ngành Sư phạm tiếng Anh. Ngoài ra, 7 SV tham gia được mời vào phân phỏng vấn sâu sau khi số liệu đã được xử lí để làm sáng tỏ một số vấn đề trong bảng khảo sát. Những SV này đều tham gia cùng một chương trình học dành cho ngành Sư phạm Anh tại Trường Đại học Vinh. Độ tuổi của những người tham gia từ 21 đến 23 tuổi và số năm học tiếng Anh từ 14 đến 16 năm.

2.3. Công cụ nghiên cứu

2.3.1. Bảng khảo sát

Bảng khảo sát này được xây dựng dựa trên cơ sở bảng khảo sát lấy từ nghiên cứu của Phạm Thị Trang (2019). Sau khi tiến hành khảo sát thí điểm trên 10 SV, bảng khảo sát được chỉnh sửa một số thuật ngữ cũng như một số khái niệm nội dung cho phù hợp với nội dung và bối cảnh nghiên cứu. Bảng khảo sát bao gồm 22 câu hỏi, tập trung vào 3 nội dung chính sau: (1) Nội dung nghiên cứu bao gồm NL NCKH của SV ngành Sư phạm tiếng Anh, Trường Đại học Vinh: Nhận thức cơ bản về khái niệm nghiên cứu KH, mức độ NL NCKH; (2) Thực trạng phát triển NL NCKH cho SV Trường Đại học Vinh: Nhận thức về vai trò, bản chất, mục tiêu, nội dung, phương pháp, con đường, biện pháp và những khó khăn trong quá trình phát triển NL NCKH cho SV; (3) Thực trạng phát triển NL NCKH cho SV ĐH thông qua dạy học học phần Phương pháp NCKH; (4) Đánh giá chung về hiệu quả của việc thực hiện giảng dạy học phần Phương pháp NCKH chuyên ngành tiếng Anh cho SV Sư phạm tiếng Anh, Trường Đại học Vinh.

Khảo sát được phát trực tuyến và người tham gia khảo sát cần dành khoảng 10-15 phút để hoàn thành bảng khảo sát này.

2.3.2. Phỏng vấn sâu

Hình thức phỏng vấn bán cấu trúc (semi-structured interview) được áp dụng trong nghiên cứu này. Phỏng vấn được tiến hành trực tiếp với 5 câu hỏi nền liên quan đến các nội dung chính của nghiên cứu, các câu hỏi phụ được bổ sung tùy thuộc vào câu trả lời của người được hỏi. Phỏng vấn sâu này được thực hiện với 2 mục đích: (1) Làm rõ một số nội dung từ bảng khảo sát; (2) Thu thập thêm thông tin về các vấn đề liên quan để có một cái nhìn có chiều sâu hơn trong kết quả nghiên cứu.

2.3.3. Quan sát lớp học

Quan sát lớp học cũng được sử dụng như là 1 trong những công cụ thu thập số liệu cho nghiên cứu này. Một

trong những nội dung của nghiên cứu liên quan đến học phần Phương pháp NCKH. Chính vì vậy, người nghiên cứu tham gia quan sát với tư cách như là những người tham gia lớp học, có 5 buổi học được quan sát chính thức và được ghi chép lại trong sổ nhật kí của nhóm nghiên cứu.

2.4. Quy trình nghiên cứu

Nghiên cứu này được tiến hành vào học kì đầu tiên của năm học 2019-2020. Bảng khảo sát được phát trực tuyến trên nhóm Facebook đến các SV đang theo học tại Khoa Sư phạm Ngoại ngữ - Trường Đại học Vinh và gửi link qua mail cho những SV đã tốt nghiệp. Sau một tuần, bảng khảo sát được thu thập và tổng hợp. Số liệu từ bảng khảo sát sau đó được nhập vào phần mềm Excel để xử lí. Khi kết quả xử lí số liệu khảo sát hoàn thành, nhóm nghiên cứu xây dựng bộ câu hỏi phỏng vấn dựa trên kết quả đó và tiến hành phỏng vấn 7 SV sư phạm tiếng Anh 2 tuần sau đó. Phỏng vấn được ghi âm trong điện thoại và được phiên lại để thực hiện quá trình phân tích sau đó. Trong quá trình lấy số liệu từ hai công cụ trên, nhóm nghiên cứu tiến hành quan sát lớp học và lưu giữ số liệu.

2.5. Kết quả nghiên cứu

2.5.1. Nhận thức của sinh viên Sư phạm tiếng Anh về bản chất của phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên sư phạm

Để làm rõ nhận thức của SV về bản chất của phát triển NL NCKH, nghiên cứu của chúng tôi sử dụng phương pháp khảo sát với câu hỏi “Phát triển NL NCKH cho SV Sư phạm được hiểu là ...”. Kết quả thu được trong Bảng 1.

Bảng 1: Nhận thức của SV về bản chất của phát triển NL NCKH cho SV Sư phạm

TT	Nội dung	Trả lời	
		SL	%
1	Là quá trình SV tự giác, tích cực trau dồi tri thức, kĩ năng và thái độ NCKH.	28	19.7
2	Là quá trình tổ chức các biện pháp tác động nhằm hình thành và nâng cao hệ thống kiến thức, kĩ năng, thái độ NCKH cho SV, giúp họ thực hiện thành công nhiệm vụ NCKH trong những điều kiện cụ thể.	79	55.6
3	Là quá trình trang bị cho SV tri thức, phương pháp NCKH để rèn luyện thành thạo các kĩ năng nghiên cứu; đồng thời hình thành hệ thống thái độ NCKH đúng đắn.	31	21.8
4	Mục khác: Ngoài ra còn tăng tư duy sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề, kĩ năng làm việc nhóm và tạo ra sự bứt phá cho NL bản thân.	4	2.9

Kết quả cho thấy, 55,6% số SV nhận thức về NL NCKH là “quá trình tổ chức các biện pháp tác động nhằm hình thành và nâng cao hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ NCKH cho SV, giúp họ thực hiện thành công nhiệm vụ NCKH trong những điều kiện cụ thể”. Tuy vậy, vẫn còn rất nhiều SV hiểu chưa đầy đủ về bản chất của phát triển NL NCKH. Thực tế này được lí giải, theo như SV N.H.X được phỏng vấn cho rằng: “... Giảng viên chưa làm rõ bản chất, các mục tiêu và nội dung dạy học học phần Phương pháp NCKH chuyên ngành tiếng Anh cho SV, dẫn đến một số SV chỉ tập trung vào tích lũy kiến thức, thụ động tiếp nhận kiến thức trong giờ học mà không định rõ bản chất, mục tiêu học phần là gì...”.

Để tìm hiểu kĩ hơn về sự hiểu biết của SV sư phạm đối với các thành tố cấu thành NL nghiên cứu, người tham gia được yêu cầu trả lời câu hỏi sau: “Bạn hãy cho biết mức độ thực hiện các NL NCKH của bạn bằng cách chọn 1 trong 5 phương án cho sẵn. Kết quả khảo sát được thể hiện trong Bảng 2.

Kết quả cho thấy, đa số SV đánh giá các NL NCKH của bản thân ở mức Khá với tổng trung bình chung là 56.6 %. Trong đó, tỉ lệ cao nhất là 60.6% SV tự đánh giá NL xây dựng đề cương NCKH ở mức Khá. Những người tham gia khảo sát có vẻ tự tin nhất với kỹ năng

khảo sát và phân tích số liệu với 28.9% lựa chọn mức độ “Rất tốt” và “Tốt”; không có SV nào đánh giá NL xác định tên đề tài NCKH và NL xây dựng đề cương NCKH ở mức Yếu. Kỹ năng nhận nhiều đánh giá mức “Yếu” nhất là kỹ năng thiết kế công cụ nghiên cứu, tuy nhiên cũng chỉ có 3.5% nhận mình ở mức “Yếu”.

2.5.2. Sinh viên tự đánh giá việc sử dụng các phương thức phát triển năng lực nghiên cứu khoa học

Các phương thức phát triển được khảo sát thông qua câu hỏi “Theo bạn, giảng viên đã sử dụng các phương thức phát triển NL NCKH cho SV như thế nào?”. Kết quả được thể hiện trong Bảng 3.

Kết quả khảo sát cho thấy, việc sử dụng phương thức phát triển NL NCKH thông qua dạy học học phần Phương pháp NCKH chuyên ngành tiếng Anh được sử dụng thường xuyên và được coi là phương thức chính với 20.4 % và 47.2 % đánh giá ở mức độ “rất thường xuyên” và “thường xuyên” và tương đương mức độ với việc yêu cầu SV tự học với số phần trăm tương ứng là 21.1% và 42.3 %.

Khi tham gia các tiết học, chúng tôi cũng nhận thấy, giảng viên đã sử dụng các phương thức như yêu cầu SV tự tra cứu, đọc thêm tài liệu, tổ chức seminar nhưng nhiều SV rất thụ động và chờ đợi những tri thức được cung cấp sẵn. SV N.T.T.T cho rằng: “Ban đầu mình

Bảng 2: Thực trạng tự đánh giá mức độ thực hiện các NL NCKH của SV

STT	Các NL	Rất tốt	Tốt (%)	Khá (%)	Trung bình (%)	Yếu (%)
1	NL phát hiện và xác định vấn đề NCKH	7.0	20.5	52.1	19.0	1.4
2	NL xác định tên đề tài NCKH	5.6	19.0	62	13.4	0
3	NL thu thập thông tin, khai thác tư liệu và hệ thống hóa tư liệu phục vụ vấn đề NCKH	6.4	21.8	52.1	17.6	2.1
4	NL xây dựng đề cương NCKH	4.3	14.0	60.6	21.1	0
5	NL thiết kế công cụ NCKH	2.3	18.8	55.6	19.7	3.5
6	NL triển khai đề tài NCKH	3.4	17.7	59.2	18.3	1.4
7	NL khảo sát, phân tích và xử lí dữ liệu NCKH	8.9	20.0	51.4	16.9	2.8
8	NL viết báo cáo kết quả NCKH	6.0	14.4	54.9	23.9	0.8
9	NL bảo vệ kết quả NCKH	3.4	18.4	61.3	14.8	2.1
	Tổng	4.3	18.2	56.6	18.3	1.6

Bảng 3: Thực trạng việc sử dụng các phương thức phát triển NL NCKH cho SV Sư phạm do SV đánh giá

STT	Phương thức	Rất thường xuyên (%)	Thường xuyên (%)	Thỉnh thoảng (%)	Ít khi (%)	Không bao giờ (%)
1	Dạy học học phần Phương pháp NCKH chuyên ngành tiếng Anh	20.4	47.2	21.1	9.2	2.1
2	Yêu cầu tự học	21.1	42.3	24.6	9.2	2.8
3	Các hình thức khác	0	0	0	0	0

cũng rất hào hứng tham gia thảo luận nhóm về các chủ đề NCKH nhưng khi tham gia thì cảm thấy không có hiệu quả, mất thời gian, cộng với việc học quá nặng nên thôi.” SV V.T.V nhấn mạnh rằng: “Chủ yếu là do SV như mình cũng khá thụ động và lười học nên không tích cực tham gia vào các con đường phát triển khác nhau”.

Nói tóm lại, việc phát triển NL khoa học được nhìn nhận dưới góc độ người học phần lớn đều thông qua việc dạy học phần Phương pháp NCKH và tự học. Sự hạn chế trong các phương thức phát triển khác xuất phát từ bản thân người học lẫn người dạy.

Sau khi đánh giá tần suất dạy học học phần Phương pháp NCKH chuyên ngành Tiếng Anh, nghiên cứu tiếp tục sử dụng phương pháp khảo sát để SV tự đánh giá hiệu quả thực hiện mục tiêu học phần Phương pháp NCKH đề ra trong Đề cương chi tiết của môn học. Những người tham gia khảo sát đã trả lời câu hỏi “Bạn đánh giá hiệu quả thực hiện giảng dạy học phần Phương pháp NCKH chuyên ngành Tiếng Anh như thế nào?”. Kết quả cụ thể được thể hiện ở Bảng 4.

Kết quả cho thấy, đánh giá của SV thể hiện ở cả 5 mức độ, trong đó tập trung hơn ở mức độ “Hiệu quả” với 3 mục tiêu lần lượt là 45.1%, 47.2% và 45.8%. Học phần Phương pháp NCKH cũng được xem là hiệu quả trong việc giúp người học làm chủ các kiến thức cơ bản về phương pháp NCKH (68.4 %); góp phần nâng cao NL NCKH và NL làm việc nhóm (68.3%) và hình thức ý thức, đạo đức nghề nghiệp (67%). Mục tiêu có số % đánh giá ít hiệu quả và không hiệu quả cao nhất thuộc về mục tiêu “Hình thành ý thức, đạo đức trong nghiên cứu để phát triển nghề nghiệp” với tổng là 9.1%.

Qua phỏng vấn và quan sát thực tiễn, chúng tôi cũng nhận thấy trong quá trình dạy học học phần Phương

pháp NCKH chuyên ngành Tiếng Anh, bên cạnh việc cung cấp các kiến thức cốt lõi về phương pháp NCKH, giảng viên thường đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập thông qua bài tập nhóm, seminar và dựa trên tiêu chí cho trước.

Để đánh giá mức độ thực hiện một số nội dung của học phần Phương pháp NCKH chuyên ngành Tiếng Anh, nghiên cứu của chúng tôi sử dụng phương pháp khảo sát ý kiến của SV về mức độ hiệu quả của các nội dung này trong việc góp phần phát triển NL NCKH của họ. Kết quả được thể hiện chi tiết trong Bảng 5.

Kết quả ở Bảng 5 cho thấy, phần lớn SV tham gia khảo sát đánh giá việc thực hiện cả 3 nội dung học phần ở mức từ rất hiệu quả đến hiệu quả. Cụ thể, hiệu quả của nội dung 1 được đánh giá cao nhất với 74.6%, hai nội dung còn lại được đánh giá tương ứng là 69.8% và 64.1%. Qua các phỏng vấn sâu, những người tham gia phỏng vấn cũng ít nhiều thể hiện sự hài lòng trong quá trình học tập của mình. SV Đ.T.T chia sẻ: “*Vì bản thân rất hứng thú với môn học và việc NCKH nên khi học trên lớp mình rất chịu khó lắng nghe, tìm tòi, học hỏi từ giảng viên, kết quả là khi thực hiện yêu cầu giảng viên đặt ra mình thấy việc hoàn thành nhiệm vụ không khó như chúng ta vẫn nghĩ.*”

2.5.3. Thực trạng sinh viên đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển năng lực nghiên cứu khoa học

Nghiên cứu cũng được tiến hành để tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển NL của SV sư phạm. Câu hỏi khảo sát: “Theo bạn, những yếu tố nào ảnh hưởng đến quá trình phát triển NL NCKH của SV?” và những cuộc phỏng vấn sau đó giúp làm rõ vấn đề này. Kết quả thu được thể hiện ở Bảng 6.

Bảng 4: Hiệu quả thực hiện mục tiêu dạy học học phần Phương pháp NCKH chuyên ngành Tiếng Anh

STT	Mục tiêu	Rất hiệu quả (%)	Hiệu quả (%)	Bình thường (%)	Ít hiệu quả (%)	Không hiệu quả (%)
1	Làm chủ được các kiến thức cơ bản về phương pháp NCKH trong ngành giáo dục nói chung và ngành tiếng Anh nói riêng	23.3	45.1	24.6	4.9	2.1
2	Xây dựng NL NCKH và NL làm việc cùng nhóm nghiên cứu	21.1	47.2	26.1	2.8	2.8
3	Hình thành ý thức, đạo đức trong nghiên cứu để phát triển nghề nghiệp	21.2	45.8	23.9	4.9	4.2

Bảng 5: Hiệu quả thực hiện một số nội dung học phần Phương pháp NCKH chuyên ngành Tiếng Anh

STT	Nội dung	Rất hiệu quả (%)	Hiệu quả (%)	Bình thường (%)	Ít hiệu quả (%)	Không hiệu quả (%)
1	Những vấn đề chung về NCKH	21.1	53.5	21.1	1.4	2.8
2	Các phương pháp NCKH	18.3	51.5	24.6	3.5	2.1
3	Các giai đoạn thực hiện đề tài NCKH	16.9	47.2	28.2	4.2	3.5

Bảng 6: Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển NL NCKH cho SV sư phạm

STT	Các yếu tố ảnh hưởng	SL/142	%
1	SV thiếu tính tự giác và tích cực	80	56.3
2	SV chưa ý thức hết vai trò ý nghĩa của việc phát triển NL NCKH	84	59.2
3	SV thiếu kiến thức về NCKH giáo dục và phương pháp NCKH	62	43.7
4	SV chưa xác định rõ các NL cần phát triển và tiêu chí đánh giá cụ thể	62	43.7
5	Các điều kiện học tập và nghiên cứu chưa được đáp ứng đầy đủ	32	22.5
6	Giảng viên chưa xây dựng được môi trường học tập khuyến khích và tạo động lực NCKH cho SV	31	21.8
7	Giảng viên chưa định hướng NCKH rõ ràng hoặc chưa thực sự tâm huyết, nhiệt tình	28	19.7
8	Kinh phí hạn hẹp và không đủ thời gian khảo sát phục vụ nghiên cứu	35	24.6

Nhìn vào kết quả của Bảng 6, ta có thể thấy, 3 yếu tố chính có tác động đến sự phát triển NL NCKH của SV sư phạm: (1) Bản thân người học; (2) Yếu tố cơ sở vật chất; (3) Giảng viên. Yếu tố được xem có ảnh hưởng lớn nhất là bản thân SV sư phạm, các lí do được đề cập trong khảo sát là ý thức của người học về tầm quan trọng của NL này còn hạn chế (60.7%) và họ còn thiếu tính tự giác, tích cực trong các hoạt động liên quan. Yếu tố môi trường và giảng viên có tỉ lệ tương đương nhau, trong đó hoạt động của giảng viên được xem là có tác động thấp nhất ngăn cản sự phát triển NL NCKH, với khoảng 20% lựa chọn.

Qua phỏng vấn và trao đổi riêng, SV phần lớn quan niệm rằng, môn học Phương pháp NCKH cũng như những môn học khác, một môn học cần phải hoàn thành trong chương trình mà chưa hiểu được bản chất thật sự của nó. Hơn nữa, đa số SV sư phạm đang quan niệm về NCKH như một điều gì đó khá cao với quá trình học tập của họ. Đối với những SV quan tâm đến NCKH, họ lại gặp các vấn đề khác trong quá trình phát triển NL nghiên cứu. SV N.T.H cho biết: *“Minh thấy bản thân chưa được khuyến khích, định hướng và tạo động lực NCKH mạnh mẽ, ví dụ khi thu thập được số liệu thì phải xử lí, đánh giá rất mất thời gian và công sức nên dễ gây chán nản.”*

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng nhận thấy đa số SV không đồng ý với một số yếu tố ảnh hưởng như thiếu thời gian hoặc kinh phí, thiếu định hướng và sự chỉ dẫn nhiệt tình từ giảng viên.

Tóm lại, trên cơ sở những kết quả thực trạng đã thu được ở trên, chúng tôi nhận thấy, đa số SV đã nhận thức đúng về vai trò của việc phát triển NL NCKH cũng như xác định những mục tiêu để thực hiện, đã thường xuyên thực hiện những nội dung và hình thức phát triển đa dạng.

3. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu quan

niệm về sự phát triển về NL NCKH của SV sư phạm tiếng Anh tại Trường Đại học Vinh. Nghiên cứu được thực hiện với 142 SV sư phạm ngành Tiếng Anh. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, SV sư phạm ít nhiều hiểu được tầm quan trọng của loại NL nhưng họ chưa hiểu hết được bản chất của việc NCKH cũng như NL NCKH. Một trong những lí do được nêu ra là do người dạy chưa làm rõ được bản chất của loại NL này trong quá trình giảng dạy.

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, SV sư phạm tự đánh giá khá cao sự làm chủ của mình đối với các NL cấu thành NL NCKH. Thực tế giảng dạy và quan sát lớp học học phần Phương pháp NCKH và đánh giá các sản phẩm của lớp học cho thấy những người tham gia khảo sát đánh giá NL NCKH cao hơn NL thực chất của bản thân mình. Điều này cũng có thể được giải thích từ yếu tố chủ quan và khách quan. Bản thân người học chưa nắm rõ bản chất của NL NCKH, trong khi đó GV chưa thật sự làm rõ các tiêu chí đánh giá các sản phẩm NCKH. Chính vì vậy, việc cung cấp các kiến thức đủ sâu cũng như những tiêu chí đánh giá chính xác cho người học trước khi tham gia các NCKH là điều rất cần thiết, để tránh tình trạng SV tham gia nghiên cứu đơn giản hóa các vấn đề và sản phẩm nghiên cứu của mình [3].

Phương thức phát triển NL NCKH hiện nay được nhìn nhận qua hai con đường chính: Tham gia lớp học Phương pháp NCKH và tự học. Trên thực tế, NL NCKH không chỉ được đào tạo trong môn học Phương pháp NCKH mà còn được đề cập xen kẽ trong các môn học khác, đặc biệt là với ngành Tiếng Anh. Trong quá trình giảng dạy ngoại ngữ, các hình thức giảng dạy theo dự án, làm nhóm rất phổ biến cũng góp phần không nhỏ vào việc hình thành các đặc tính của NL NCKH. Chính vì vậy, SV cần ý thức được các loại hình NL này từ sớm để từ đó hình thành, phát triển NL NCKH cho mình thông qua các học phần khác nữa chứ không chỉ riêng học phần Phương pháp NCKH hiện nay.

Kết quả của nghiên cứu cũng ít nhiều chỉ ra rằng, học

phần Phương pháp NCKH đang được giảng dạy hiện nay đã đáp ứng được các mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, nhận thức của SV về vai trò của nó đối với việc phát triển nghề nghiệp tương lai vẫn tồn tại hạn chế. Bản thân môn học đơn lẻ không thể cải thiện được vấn đề này, việc bổ sung các hoạt động, phong trào NCKH cho SV sư phạm với các hình thức bắt buộc chứ không phải chỉ dành cho sự tự nguyện trong các chương trình là điều cần thiết.

Bản thân của người học được chính người học tham gia khảo sát đánh giá là gây ảnh hưởng lớn nhất đến sự phát triển không đồng đều lên NL NCKH. Giảng viên và môi trường học đã ít nhiều hỗ trợ cho người học, tuy nhiên sự thiếu hiểu biết và tính thiếu tự giác đã ngăn cản sự phát triển của NL này. Chính vì vậy, bên cạnh các hội nghị SV NCKH hàng năm, việc thiết kế

các hoạt động gây hứng thú cho người học là điều cần được bổ sung. Ví dụ như tạo ra Ngày hội SV NCKH (Student Research Day) xen kẽ trong học phần Phương pháp NCKH, tất cả các SV hay nhóm SV đang tham gia học học phần này buộc phải tham gia trình bày để lấy điểm hồ sơ học tập.

Mặc dù nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế về số lượng tham gia khảo sát cũng như độ dài thời gian thu thập số liệu, tuy nhiên những đóng góp ý nghĩa của nó về mặt thực tiễn là không thể phủ nhận. Kết quả của nghiên cứu giúp cho giảng viên, các nhà giáo dục và các nhà xây dựng chương trình có một cái nhìn cụ thể hơn, để từ đó có những cải tiến phù hợp nhằm phát triển NL NCKH cho SV sư phạm, góp phần nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo GV hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (22/6/2016), Thông tư *Ban hành Quy chế xét tặng Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học*.
- [2] Mertler, C. A., (2016), *Introduction to Educational Research*, SAGE.
- [3] Prosekov, Y.A., Morozava, I.S., Filatova, E. V., (2020), *A case study of developing research competency in University students*, European journal of contemporary education, 9(3), p.592-602.
- [4] Trang, N. T., (2019), *Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục cho sinh viên đại học sư phạm*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5] Hương, N. T. X., (2016), *Thực trạng và biện pháp rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên đại học*, Tạp chí Thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Bình, 3, tr.48-50.
- [6] Arsmtrong, S.J & Perry, T., (1994), *Business school prestige: research versus teaching*, *Interface*, 24(2), p.13-43.
- [7] Davidson, Z. E., & Pamerlo, C., (2015), *Developing Research Competence in Undergraduate Students through Hands on Learning*, *Journal of Biomedical education*, p.1-9.
- [8] Lopatina, O. V., et al, (2014), *The Technology of Forming the Students' Research Competence in the Process of Learning a Foreign Language*, *Asian social science*, 11(3), p.152-157.

AN INVESTIGATION ON RESEARCH COMPETENCE OF ENGLISH TEACHER STUDENTS AT VINH UNIVERSITY

Le Thi Tuyet Hanh¹, Hoang Thi Hai Yen²

¹ Email: hanhfran@gmail.com

² Email: hoangthihaiyen6072@gmail.com

Vinh University

182 Le Duan, Vinh city, Nghe An province, Vietnam

ABSTRACT: *This study was carried out to investigate teacher students' perceptions of research competence and its development in the university environment. The study was conducted on 142 English teacher students at Vinh University. The data were collected from different instruments, including questionnaire, interviews and class observations. The results showed that English teacher students were aware of the crucial role of research competency for their career but they could not identify different sub-components of this competency, leading to their inaccurate self-assessment of their own research ability. Moreover, it was found that the students were the main factor that affects negatively on teacher students' development of this research competency. From the findings, the paper puts forward some pedagogical suggestions in order to improve the research competence for university students, especially teacher students.*

KEYWORDS: Competence; research competence; teacher students; perceptions.